

KẾ HOẠCH

**Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến
năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Giám sát, đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo và việc chấp hành quy định về quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là Chương trình) tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

- Kịp thời chỉ đạo, đôn đốc công tác xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm; phát huy những ưu điểm tích cực đạt được; phát hiện những yếu kém, hạn chế phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện và đề ra các giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ, đạt chất lượng và hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá phải bám sát mục tiêu, nội dung và trình tự thủ tục quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn quy trình, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Công tác giám sát, đánh giá các Dự án, Tiểu dự án của Chương trình bảo đảm khách quan, phản ánh trung thực, đầy đủ đúng thực chất; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được kiểm tra, giám sát; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý những tồn tại, hạn chế và các vấn đề khác phát hiện sau kiểm tra, giám sát.

- Hoạt động giám sát, đánh giá phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động kiểm tra, giám sát khác thuộc phạm vi, quyền hạn của các cơ quan đã được pháp luật quy định.

- Công tác giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên theo định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

1. Đối tượng kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Chủ chương trình, chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ đầu tư các dự án, hoạt động thuộc Chương trình.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

2. Thời gian

- *Đối với công tác kiểm tra, giám sát:* Thời gian thực hiện theo định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- *Đối với công tác đánh giá:* Đánh giá giữa kỳ ở năm thứ 3 của kỳ kế hoạch giai đoạn 5 năm; đánh giá kết thúc giai đoạn hay đánh giá 5 năm; đánh giá theo chủ đề, đánh giá đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

III. NỘI DUNG, QUY TRÌNH KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Theo dõi Chương trình

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc.

2. Kiểm tra Chương trình

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc.

3. Đánh giá Chương trình

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc.

4. Giám sát đầu tư của cộng đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc.

IV. HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO

Hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hoá của Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc.

1. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo *Phụ lục số 03-mẫu số 3.1*

2. Báo cáo đánh giá thực hiện Chương trình theo *Phụ lục số 04*

3. Báo cáo kết quả các chỉ số chủ yếu theo *Phụ lục số 01*

4. Đối với các Dự án và Tiêu dự án

4.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt *theo Biểu mẫu số 2.1 trong phụ lục số 02*

4.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết *theo Biểu mẫu số 2.2 trong Phụ lục số 02*

4.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (bao gồm các Tiêu dự án 1, 2, 3) *theo Biểu mẫu số 2.3.1, Biểu số 2.3.2.1, Biểu số 2.3.2.2, Biểu số 2.3.2.3 và Biểu số 2.3.3 trong Phụ lục số 02*

4.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (bao gồm các Tiêu dự án 1, 2) *theo Biểu số 2.4.1.1, Biểu số 2.4.1.2 và Biểu số 2.4.2 trong Phụ lục số 02*

4.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (bao gồm các Tiêu dự án 1, 2, 3, 4) *theo Biểu số 2.5.1, Biểu số 2.5.2, Biểu số 2.5.3 và Biểu số 2.5.4 trong Phụ lục số 02*

4.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch *theo Biểu số 2.6 trong Phụ lục số 02*

4.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em *theo Biểu số 2.7 trong Phụ lục số 02*

4.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em *theo Biểu số 2.8 trong Phụ lục số 02*

4.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (bao gồm các Tiêu dự án 1, 2) *theo Biểu số 2.9.1 và Biểu số 2.9.2 trong Phụ lục số 02*

4.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình (bao gồm các Tiểu dự án 1, 2, 3) theo Biểu số 2.10.1, Biểu số 2.10.2 và Biểu số 2.10.3 trong Phụ lục số 02)

5. Tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình kèm theo số liệu tại Phụ lục số 01, bao gồm các chỉ số kết quả chủ yếu thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo

6. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực kèm theo tổng hợp số liệu theo Biểu số 3.2 trong Phụ lục số 03 về huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình được bố trí trong dự toán kinh phí hàng năm của Tiểu dự án 3 “Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình” thuộc Dự án 10 của Chương trình và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện, tham mưu khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc kết quả thực hiện.

- Tổ chức các hội nghị hướng dẫn, tập huấn chuyên môn nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát, đánh giá cho các địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kế hoạch này; theo dõi đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình theo phân công của Ban Chỉ đạo tỉnh; tham mưu khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có thành tích xuất sắc; tổ chức tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện các Dự án.

- Tổng hợp chung kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan theo quy định.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành của tỉnh (chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần cấp tỉnh)

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần cấp huyện, chủ đầu tư triển khai công

tác giám sát, đánh giá theo chức năng và phạm vi quản lý.

- Tổng hợp kết quả giám sát, đánh giá thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do sở, ban, ngành chủ trì quản lý, gửi báo cáo cho Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện)

Ủy ban nhân dân cấp huyện (đầu mối là cơ quan phụ trách công tác dân tộc ở cấp huyện), các phòng, ban cấp huyện (chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần cấp huyện), Ủy ban nhân dân cấp xã (đầu mối là Ban quản lý cấp xã) xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn chi tiết của Ban Dân tộc, các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

- Tổng hợp kết quả giám sát, đánh giá thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần gửi báo cáo về Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (thông qua Ban Dân tộc); các sở, ngành có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

4. Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá, cập nhật số liệu và báo cáo các dự án, hoạt động cụ thể theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn chi tiết (nếu có) của cơ quan quản lý cấp trên theo chức năng và phạm vi quản lý và cập nhật số liệu báo cáo theo hệ thống biểu mẫu tại Kế hoạch này.

5. Trân trọng đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo các cấp Hội cơ sở tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Dân tộc tỉnh) để kịp thời xem xét, điều chỉnh.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG PTKTXH vùng DTTS & MN-UBND (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBNDTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban chỉ đạo các CTMTQG tỉnh Gia Lai;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kpă Thuyên